

Thứ ba, ngày 7 tháng 11 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm hơn 9 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/11/2023		●	
Tuần 30/10-03/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giảm điểm từ khi mở cửa. Chỉ số nằm dưới ngưỡng tham chiếu trong hầu hết thời gian giao dịch ngày hôm nay. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1,080.29 điểm, giảm 9.37 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm. BĐS, Truyền thông và Dịch vụ Tài chính là 3 ngành có mức giảm điểm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, Xây dựng và Vật liệu, Dầu khí và Bán lẻ là các ngành tăng điểm lớn nhất. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên HNX và bán ròng trên sàn HSX. Thanh khoản thị trường ở mức thấp và lực đỡ chỉ số tại vùng giá xanh chưa đủ lớn cho thấy sức mua đang chững lại chờ một nhịp hồi phục trong ngắn hạn. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường cần lấp được gap 1,080 – 1,100 để xác nhận đà hồi phục.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/11/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-9.37** điểm, đóng cửa **1080.29** điểm. HNX-Index **-1.3** điểm, đóng cửa **218.29** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BHN (+0.07)**, **HPG (+0.07)**, **PC1 (+0.07)**, **VGC (+0.07)**, **LPB (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.65)**, **VHM (-1.06)**, **MSN (-0.69)**, **SSB (-0.53)**, **VRE (-0.46)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,577** tỷ đồng, giảm **-4.2%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,599 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.7 điểm. Thị trường có **378** mã tăng, 83 mã tham chiếu, **138** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-262.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-120.81 tỷ)**, **VRE (-92.28 tỷ)**, **FUESSVFL (-60.93 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **57.02** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.66%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVD (+1.74%)**, **PVS (+1.71%)**, **VGC (+1.29%)**
- BSC50 **-0.47%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTD (+4.09%)**, **PC1 (+3.75%)**, **HAH (+1.76%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Xây dựng và Vật liệu	0.34%	Ngân hàng	-0.97%
Dầu khí	0.22%	Ô tô và phụ tùng	-1.00%
Bán lẻ	0.08%	Du lịch và Giải trí	-1.00%
Tài nguyên Cơ bản	-0.02%	Thực phẩm và đồ	-1.14%
Công nghệ Thông tin	-0.12%	Dịch vụ tài chính	-1.33%
Y tế	-0.20%	Truyền thông	-1.34%
Bảo hiểm	-0.22%	Bất động sản	-1.55%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.26%	VNSML	-0.52%
Hóa chất	-0.26%	VNMID	-0.86%
Hàng & Dịch vụ Công	-0.38%	VN30	-0.98%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.41%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1080.29**
Giá trị: 10576.76 tỷ **-9.37 (-0.86%)**
Khối ngoại (ròng): -262.95 tỷ

HNX-INDEX **218.29**
Giá trị: 1601.13 tỷ **-1.3 (-0.59%)**
Khối ngoại (ròng): 57.02 tỷ

UPCOM-INDEX **84.61**
Giá trị: 465.17 tỷ **-0.44 (-0.52%)**
Khối ngoại (ròng): 10.32 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	85.3	0.50%
Giá vàng	1,978	-0.70%
Tỷ giá USD/VND	24,350	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,068	-0.09%
Tỷ giá JPY/VND	161.97	0.21%
LS liên NH 1 tháng	2.03%	
LS TPCP 5 năm	1.99%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	95.21	MWG	-120.81
DGC	40.62	VRE	-92.28
VND	29.48	FUESSVFL	-60.93
PC1	20.32	MSN	-34.39
STB	17.45	HDB	-34.26

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Báo cáo hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 07/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	80.76	0.30%	-1.90%	-4.50%	-11.00%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	85.34	0.50%	-1.20%	-1.30%	-11.40%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.24	1.80%	1.10%	1.20%	-13.50%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.27	-7.00%	-2.40%	-9.90%	-54.90%		
TTF Gas	EUR/MWh	44.83	-6.70%	-11.30%	2.00%	-59.10%		
Vàng	Ounce	1,977.60	-0.70%	-0.90%	6.30%	18.10%		PNJ
Bạc	Ounce	23.02	-0.80%	-1.20%	5.20%	10.80%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,340.25	1.00%	4.50%	6.00%	-7.60%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.17	-0.90%	1.80%	1.70%	-17.90%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	146.80	0.00%	1.20%	5.80%	15.90%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.95	0.70%	4.50%	2.80%	49.60%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	405.00	0.00%	2.50%	-7.40%	-34.40%		DPM, DCM
Niken	LB	17,985.00	0.00%	-1.60%	-3.60%	-22.80%		PC1
Đồng	LB	3.70	0.70%	1.40%	1.70%	2.70%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,270.00	-0.90%	-11.00%	-24.30%	-14.30%		CSV
Thép	CNY/ton	3,843.00	1.10%	3.70%	6.10%	6.50%		HPG
Nhôm	Ton	2,285.50	1.40%	0.80%	2.00%	-2.20%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent giao sau tăng 0.50%, lên 85.34 USD/thùng, trong khi dầu thô West Texas Intermediate của Mỹ tăng 0.30%, lên 80.76 USD/thùng.
- Giá dầu tăng cao hơn sau khi các nhà xuất khẩu hàng đầu Saudi Arabia và Nga tái khẳng định cam kết cắt giảm nguồn cung dầu tự nguyện thêm cho đến cuối năm nay.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống 1,977.160 USD/ounce vào lúc 19h41 GMT sau khi tăng lên trên mức quan trọng 2,000 USD vào thứ Sáu. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ giảm 0.5% xuống 1,988.60 USD.
- Vàng giảm khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng và các nhà đầu tư chờ đợi nghe ít nhất 9 thành viên Fed phát biểu trong tuần này, bao gồm cả Powell vào ngày 9/11 về xu hướng lãi suất của Mỹ.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc kết thúc phiên không đổi ở mức 925 nhân dân tệ (127.00 USD)/tấn, Quặng sắt chuẩn tháng 12 trên Sàn giao dịch Singapore cao hơn 0.33% ở mức 123.35 USD/tấn.
- Giá quặng sắt ít thay đổi do mức tăng giá được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản và các biện pháp kích thích kinh tế bị hạn chế phần nào bởi lo ngại về sự giám sát chặt chẽ của chính phủ sau đợt tăng giá gần đây và biên lợi nhuận thép thu hẹp.

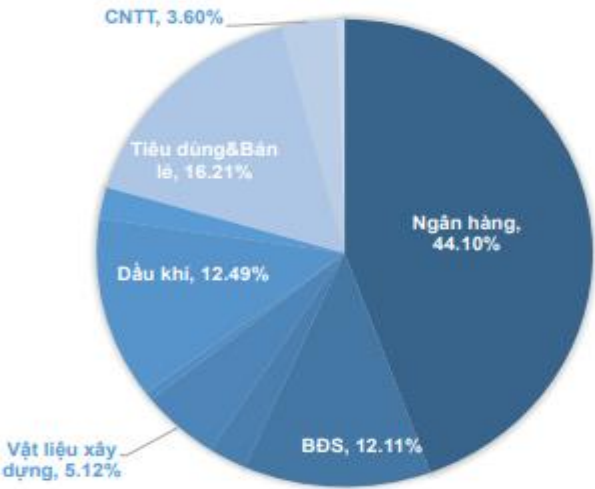
Giá hàng hóa khác

- Giá đường tăng nhờ nhu cầu mạnh. Đường trắng kỳ hạn chốt phiên tăng 5.80 USD, tương đương 0.8%, lên 763.40 USD/tấn sau khi thiết lập mức cao nhất trong hợp đồng là 767.40 USD. Đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 tăng 0.18 cent, tương đương 0.6%, lên 27.95 cent/lb.
- Giá đường cũng tăng nhờ nhu cầu mạnh. Đường trắng kỳ hạn chốt phiên tăng 5.80 USD, tương đương 0.8%, lên 763.40 USD/tấn sau khi thiết lập mức cao nhất trong hợp đồng là 767.40 USD. Đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 tăng 0.18 cent, tương đương 0.6%, lên 27.95 cent/lb.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	88.3	-1.3%	0.9	20,127	1.5	5,797	15.2	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	41.8	0.0%	0.6	8,623	0.9	4,025	10.4	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.7	-0.5%	1.0	6,698	5.4	1,727	12.0	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	30.6	-1.0%	1.5	4,389	1.9	5,059	6.0	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	17.8	-0.8%	1.3	3,785	3.3	3,496	5.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.0	-1.5%	0.9	2,230	13.2	3,600	8.1	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	18.4	-0.3%	1.7	3,010	1.2	714	25.9	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	28.5	-0.3%	1.7	892	6.7	4,368	6.5	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	45.0	0.2%	1.5	606	4.3	3,969	11.3	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	47.1	1.3%	1.8	861	1.4	2,651	17.8	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	25.8	0.2%	1.9	6,118	20.9	(328)	-78.6	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	40.0	-2.4%	1.5	7,103	7.2	10,341	3.9	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	23.2	-3.5%	1.3	2,145	5.0	1,588	14.6	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	29.3	-1.5%	1.7	955	1.0	1,280	22.9	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	32.7	-1.8%	1.3	512	1.4	1,582	20.7	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	88.0	-0.5%	1.5	1,363	6.6	10,728	8.2	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	31.4	-1.4%	0.9	500	4.9	6,403	4.9	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	29.6	1.2%	1.2	639	5.4	4,286	6.9	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	78.8	-0.3%	0.6	7,381	1.0	5,567	14.2	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	33.2	-0.3%	0.9	1,718	0.7	2,125	15.6	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	35.6	2.0%	1.1	694	7.9	1,953	18.2	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.3	1.7%	1.3	596	5.7	449	58.6	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.9%	0.7	1,065	1.4	602	18.5	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	70.8	-0.3%	0.6	6,035	4.3	3,935	18.0	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	62.0	-3.1%	1.3	3,618	4.0	916	67.7	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	38.2	0.4%	1.6	2,278	16.2	1,069	35.7	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	75.9	-0.9%	0.7	1,015	0.7	5,503	13.8	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	67.9	-2.3%	0.7	508	1.0	7,080	9.6	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	66.1	0.2%	0.7	825	4.5	7,470	8.8	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	88.3	-0.2%	0.7	4,573	4.8	4,573	19.3	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.6	0.00%	0.9	5,596	2.7	3,664	7.8	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.1	-0.5%	0.8	3,501	2.1	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.0	-1.4%	0.8	2,123	6.9	2,765	6.5	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.5	0.6%	0.9	1,617	1.1	1,410	11.0	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.7	-1.1%	1.4	1,935	1.8	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	18.3	-2.1%	2.0	909	15.1	467	39.2	1.5	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.6	-0.3%	1.1	1,486	2.5	2,697	6.1	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.4	-2.2%	1.5	1,733	21.2	1,090	26.0	1.9	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.1	-1.5%	2.0	186	8.9	318	50.7	6.5	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	10.8	-0.9%	1.8	0	0.4	445	24.3	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	61.1	4.1%	1.7	247	9.1	681	89.7	0.7	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.4	-1.0%	1.6	193	3.3	919	15.6	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.3	0.0%	2.1	87	2.1	482	23.4	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.2	-2.0%	0.7	2,457	0.6	418	139.3	3.4	2.7%	1.7%
HUT	KCN	18.2	-4.2%	1.5	662	5.0	56	322.1	4.4	2.0%	1.3%
PHR	KCN	44.6	-0.1%	1.2	247	0.4	6,568	6.8	1.7	15.4%	26.9%
SZC	KCN	34.9	1.2%	1.6	171	1.0	1,405	24.8	2.6	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	19.8	-1.2%	2.2	496	9.5	(2,105)	-9.4	1.2	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	11.5	-4.2%	1.4	179	0.1	176	65.4	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	19.3	-1.0%	2.3	207	6.2	(2,655)	-7.3	1.0	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	55.5	0.0%	0.9	152	0.3	5,309	10.5	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	23.4	0.0%	1.8	73	1.5	1,482	15.8	0.9	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	14.5	-2.0%	2.0	1,153	11.3	(295)	-49.1	0.7	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	17.8	-2.5%	2.7	443	11.1	(317)	-56.2	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	32.3	-1.2%	1.5	178	2.7	2,190	14.7	2.3	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	22.4	-2.0%	2.6	556	16.4	152	146.8	1.8	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	12.6	-1.2%	1.9	129	0.6	1,597	7.9	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.6	0.0%	1.5	0	6.7	1,596	11.7	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	24.3	1.5%	0.7	321	5.5	2,993	8.1	0.9	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	28.8	0.7%	1.6	95	0.3	1,353	21.3	1.8	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	21.8	-2.0%	1.0	106	0.1	1,980	11.0	1.5	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	55.2	-0.4%	0.7	920	0.9	6,445	8.6	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	19.6	-1.5%	1.7	679	8.0	384	50.8	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	23.8	0.2%	0.6	280	0.5	2,560	9.3	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.1	-1.5%	1.5	326	0.7	2,739	9.5	1.2	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.6	3.8%	1.6	305	3.8	944	29.3	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	12.6	-0.4%	0.7	176	0.2	636	19.9	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	7.9	-0.6%	2.6	171	1.3	(79)	-100.1	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	65.1	-1.7%	0.4	3,405	1.2	3,518	18.5	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	47.4	-1.2%	0.5	0	1.1	4,965	9.5	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	96.0	-1.0%	1.0	533	1.8	(327)	-293.3	8.2	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	46.9	-0.2%	2.1	320	2.4	2,984	15.7	3.5	23.6%	21.9%
DBC	F&B	19.9	1.5%	1.9	196	3.3	551	36.1	1.0	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	23.3	0.2%	2.4	101	0.4	837	27.9	1.3	1.4%	5.7%
BAF	F&B	23.6	0.0%	0.6	138	2.6	1,225	19.3	2.0	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	27.8	-0.9%	1.7	151	1.6	2,162	12.8	1.4	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	24.4	-0.2%	0.5	133	0.4	1,370	17.8	1.0	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	31.8	1.8%	1.2	137	3.0	5,742	5.5	1.1	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	77.3	-0.6%	1.2	361	0.4	4,238	18.2	5.4	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	18.2	-1.1%	1.4	84	1.0	2,353	7.7	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_ Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639